



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Ký bởi: UBND Tỉnh Điện Biên
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2026/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 13 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính
phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của
Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài
nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin
đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của
Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc
hệ thống chính trị;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định điều phối, ứng cứu sự cố an
toàn thông tin mạng trên toàn quốc;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu
thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm
ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31 ngày 7 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;*

Căn cứ Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Điện Biên;
- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Như Điều 3;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TT TT-HN, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Minh Phú

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY CHẾ

**Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin đất đai
tỉnh Điện Biên**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 51/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên.
2. Những nội dung không được quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Thuế tỉnh, Công an tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường.
3. Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực (sau đây gọi là Chi nhánh).
4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên bao gồm các thành phần cơ bản sau đây:

1. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin bao gồm hệ thống máy chủ, mạng, thiết bị đầu cuối đạt chứng nhận an toàn cấp độ 3 và đáp ứng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật hiện hành.
2. Phần mềm hệ thống thông tin đất đai đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn văn bản pháp luật hiện hành.
3. Cơ sở dữ liệu (CSDL) đất đai của tỉnh Điện Biên là tập hợp các CSDL thành phần trong đó dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử; CSDL địa chính là thành phần cơ bản của CSDL đất đai, làm cơ sở để xây dựng và định vị không gian các CSDL thành phần khác; trong đó:

a) Dữ liệu không gian đất đai bao gồm dữ liệu không gian đất đai nền và các dữ liệu không gian chuyên đề.

b) Dữ liệu thuộc tính đất đai bao gồm dữ liệu thuộc tính địa chính; dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; dữ liệu thuộc tính giá đất; dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên

1. Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên được xây dựng theo nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với Khung kiến trúc quốc gia số theo một hệ thống thiết kế thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước; cung cấp dữ liệu cho nhiều đối tượng sử dụng và phục vụ cho nhiều mục đích sử dụng.

b) Đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của CSDL quốc gia về đất đai.

c) Đảm bảo tính an toàn, bảo mật và hoạt động thường xuyên.

d) Đảm bảo tính mở, cho phép chia sẻ với hệ thống thông tin và CSDL của các ngành, các cấp có liên quan.

2. Việc quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin đất đai của tỉnh Điện Biên theo các nguyên tắc sau:

a) Hệ thống thông tin đất đai của tỉnh Điện Biên được quản lý và vận hành theo mô hình tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh. Việc tham gia quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin đất đai của tỉnh bảo đảm đúng thẩm quyền, trách nhiệm theo các quy định của pháp luật hiện hành.

b) Việc quản lý vận hành đảm bảo tính khoa học, thuận tiện cho khai thác và sử dụng.

c) CSDL đất đai phải được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời đảm bảo phù hợp với hiện trạng quản lý và sử dụng đất đai.

d) Khai thác và sử dụng dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

đ) Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương II XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI

Điều 5. Xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là đơn vị xây dựng, chủ trì quản lý, vận hành Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên.

2. Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị trực tiếp quản lý vận hành, khai thác, cập nhật chính lý CSDL đất đai. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm cung cấp tài khoản, phân quyền truy cập cho các tổ chức, cá nhân gắn với trách nhiệm được giao để thực hiện nhiệm vụ và đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống thông tin đất đai.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Điện Biên được cấp tài khoản truy cập hệ thống thông tin đất đai để thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo thẩm quyền và khai thác thông tin phục vụ quản lý nhà nước theo phân cấp, phân quyền tại địa phương.

4. Những đơn vị thi công thực hiện các dự án liên quan đến việc xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai được phép cập nhật, chỉnh lý biến động CSDL đất đai theo thiết kế kỹ thuật được phê duyệt và số liệu được kiểm tra nghiệm thu theo quy định. Việc cập nhật, chỉnh lý biến động CSDL đất đai không làm gián đoạn công tác cập nhật, chỉnh lý biến động dữ liệu thường xuyên của Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh.

Điều 6. Kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các Hệ thống thông tin với Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên

1. Hệ thống thông tin đất đai của tỉnh được kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai (VNLS), phần mềm ứng dụng Lệ phí trước bạ của ngành Thuế, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Điện Biên (IOC Điện Biên) và các phần mềm chuyên ngành khác đảm bảo phục vụ trực tiếp cho công tác giải quyết thủ tục hành chính, xác định nghĩa vụ tài chính và cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ hóa dữ liệu điện tử quy định tại Khoản 1 Điều này hoặc cung cấp tài khoản truy cập để khai thác dữ liệu trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các Hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành khác có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ hóa dữ liệu với Hệ thống thông tin đất đai của tỉnh.

Chương III

CẬP NHẬT, CHỈNH LÝ BIẾN ĐỘNG, KHAI THÁC

CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Điều 7. Cập nhật, chỉnh lý biến động trong CSDL đất đai

1. Việc cập nhật, chỉnh lý CSDL đất đai được thực hiện liên tục, thường xuyên, ngay trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai; Đối với trường hợp có thay đổi, biến động về thông tin, dữ liệu được cơ quan có thẩm

quyền phê duyệt mà không gắn với việc thực hiện thủ tục hành chính về đất đai thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh cập nhật chỉnh lý, bổ sung vào CSDL đất đai sau khi nhận được Quyết định, tài liệu do các cơ quan có thẩm quyền chuyển đến.

2. Thông tin cập nhật phải đảm bảo tính pháp lý, chính xác, tính đầy đủ, thống nhất đồng thời trên các khối dữ liệu gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu phi thuộc tính (hồ sơ quét), dữ liệu hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính theo quy trình điện tử đã được thiết lập trên hệ thống tương ứng với thủ tục hành chính.

3. Thành phần hồ sơ quét bao gồm các thành phần hồ sơ theo quy định tương ứng với từng thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, được thực hiện phân loại ký số theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trước khi lưu kho hồ sơ quét.

4. Đối với dữ liệu bản đồ địa chính

a) Đối với sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính:

Sở Nông nghiệp Môi trường chủ trì việc bàn giao hồ sơ địa chính giữa đơn vị tư vấn xây dựng hồ sơ địa chính với Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; giữa các Chi nhánh trong trường hợp có điều chuyển, sáp nhập, điều chỉnh địa giới hành chính trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu sản phẩm.

b) Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật bản đồ địa chính, trích đo bản đồ địa chính vào CSDL đất đai ngay sau nhận bàn giao.

5. Kiểm tra việc cập nhật CSDL đất đai

a) Sở Nông nghiệp Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đối với việc chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc đơn vị có liên quan thực hiện các dự án liên quan đến việc xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai thực hiện cập nhật chỉnh lý CSDL đất đai.

b) Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đối với việc chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính do Chi nhánh thực hiện.

Đối với công tác cập nhật biến động thường xuyên, việc kiểm tra giám sát phải được thực hiện đối với từng thửa đất khi cập nhật vào bản đồ địa chính dùng chung. Việc kiểm tra phát hiện các sai sót số liệu, phải xây dựng giải pháp xử lý, khắc phục và lập biên bản kiểm tra theo quy định.

Điều 8. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai

1. Hình thức khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai thực hiện theo quy định tại Điều 59, Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.

2. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin dữ liệu đất đai thực hiện theo quy định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Văn phòng đăng ký đất đai là cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, tổ chức cá nhân trong việc khai thác, cung cấp thông tin dữ liệu đất đai theo quy định.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và khoản 2 Điều 63 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

Điều 9. Bảo mật thông tin, dữ liệu đất đai

1. Tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin, dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, tiếp cận thông tin, bảo mật thông tin của cá nhân, tổ chức.

3. Nghiêm cấm các hành vi sử dụng chung hoặc sử dụng tài khoản của người khác để truy cập vào hệ thống CSDL đất đai.

4. Không được mua bán, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu trái quy định của pháp luật.

5. Nghiêm cấm các hành vi sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai không đúng mục đích hoặc ngoài mục đích xử lý nghiệp vụ chuyên môn được giao, vi phạm nguyên tắc bảo mật thông tin ngành trong công tác quản lý, vận hành, khai thác, chia sẻ, cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai.

Điều 10. Cấp và quản lý tài khoản người dùng

1. Cấp tài khoản người dùng

a) Các đơn vị có nhu cầu cấp tài khoản gửi đề nghị bằng Văn bản đến Văn phòng đăng ký đất đai theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

b) Văn phòng đăng ký đất đai chịu trách nhiệm cấp và phân quyền tài khoản người dùng để truy cập vào phần mềm theo văn bản đề nghị của đơn vị sử dụng.

c) Mọi tài khoản được cung cấp phải được định danh đến từng người dùng cụ thể.

2. Quản lý tài khoản

a) Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm theo dõi, quản lý và đề xuất xử lý đối với các tài khoản đã được cấp theo quy định.

b) Tài khoản quản trị hệ thống phải có mật khẩu đủ độ dài (08 ký tự trở lên) và phải kết hợp các loại ký tự sau: chữ cái in thường (a, b,...), chữ cái in hoa

(A, B,...), ký tự số (1, 2,...) và các ký tự đặc biệt (@, !, #...). Yêu cầu 03 (ba) tháng phải thay đổi mật khẩu một lần.

c) Tài khoản người dùng yêu cầu phải có mật khẩu đủ độ dài (8 ký tự trở lên) và phải kết hợp các loại ký tự sau: chữ cái in thường (a, b,...), chữ cái in hoa (A, B,...), ký tự số (1, 2,...) và các ký tự đặc biệt (@, !, #...). Yêu cầu 06 (sáu) tháng phải thay đổi mật khẩu một lần.

d) Khóa tài khoản

Tài khoản không sử dụng quá 01 (một) tháng.

Tài khoản cấp mới nhưng trong vòng 01 (một) tuần không đổi mật khẩu.

Tài khoản sử dụng để cập nhật, xây dựng CSDL đất đai khi công trình đã nghiệm thu.

Trường hợp đơn vị có công chức, viên chức đã được cấp tài khoản truy cập, khai thác phần mềm nghỉ việc, nghỉ hưu hoặc điều chuyển công tác hoặc thay đổi vị trí việc làm, Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm phải thông báo bằng văn bản đến Văn phòng đăng ký đất đai để thu hồi tài khoản, trong vòng 03 ngày để thu hồi tài khoản.

Điều 11. Sao lưu, xóa và phục hồi CSDL

1. Sao lưu CSDL

a) Đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm chịu trách nhiệm sao lưu CSDL thuộc tính, dữ liệu không gian, dữ liệu phi cấu trúc (hồ sơ quét) thường xuyên, đảm bảo khôi phục lại CSDL khi có sự cố xảy ra;

b) Văn phòng đăng ký đất đai chịu trách nhiệm sao lưu CSDL thuộc tính, dữ liệu không gian đất đai, dữ liệu phi cấu trúc (hồ sơ quét) định kỳ 10 ngày/01 lần vào hạ tầng lưu trữ tại đơn vị và định kỳ 03 tháng/01 lần vào thiết bị lưu trữ dữ liệu nằm ngoài hạ tầng lưu trữ nêu trên.

2. Quy định về xóa dữ liệu

a) Trường hợp cần thiết phải thực hiện xóa dữ liệu, cán bộ xử lý đề xuất yêu cầu xóa dữ liệu theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này. Yêu cầu xóa dữ liệu phải được phê duyệt bởi Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Giám đốc Chi nhánh theo thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính. Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai và Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

b) Sau khi được phê duyệt, người được lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai phân công nhiệm vụ xóa dữ liệu thực hiện xóa dữ liệu theo đề xuất.

3. Phục hồi CSDL

a) Đối với việc phục hồi CSDL trong quá trình thực hiện nghiệp vụ, viên chức, chuyên viên xử lý đề xuất yêu cầu theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này và gửi về Văn phòng đăng ký đất đai trước khi phối hợp với Đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm thực hiện việc khôi phục dữ liệu.

b) Khi có sự cố xảy ra liên quan đến CSDL khác cần phải khôi phục, Đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm có trách nhiệm thông báo về mức độ sự cố, kế hoạch khôi phục dữ liệu ngay lập tức về Sở Nông nghiệp và Môi trường để chỉ đạo.

Điều 12. Quy định về xử lý sự cố

1. Trong quá trình cập nhật, chỉnh lý biến động, vận hành và khai thác CSDL đất đai, nếu phát hiện có sự cố thì đơn vị quản lý hạ tầng phải báo cáo ngay cho lãnh đạo, các cơ quan, đơn vị có liên quan để xử lý kịp thời. Tùy thuộc vào mức độ ảnh hưởng của sự cố, đánh giá và phân loại theo 03 mức: sự cố thông thường, sự cố nghiêm trọng và sự cố đặc biệt nghiêm trọng.

a) Đối với các sự cố thông thường (không gây ảnh hưởng đến việc vận hành CSDL đất đai), đơn vị quản lý hạ tầng nhanh chóng xử lý sự cố, trường hợp không xử lý được cần thông báo cho các đơn vị có liên quan để phối hợp giải quyết.

b) Đối với các sự cố nghiêm trọng: các sự cố liên quan đến thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, máy chủ, đường truyền dữ liệu, các sự cố liên quan đến an ninh thông tin, mất mát dữ liệu, gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của hệ thống thì ngay sau khi phát hiện sự cố đơn vị quản lý hạ tầng cần đánh giá nhanh ảnh hưởng của sự cố, tiến hành các biện pháp kịp thời để bảo vệ dữ liệu, ngăn chặn sự cố và thực hiện báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

c) Đối với các sự cố đặc biệt nghiêm trọng: gây ngưng trệ đến toàn bộ hoạt động của hệ thống CSDL đất đai thì đơn vị quản lý hạ tầng phải tạm dừng hoạt động của hệ thống CSDL đất đai, tiến hành các biện pháp khắc phục để đưa hệ thống lại trong thời gian sớm nhất, đánh giá ảnh hưởng của sự cố và thực hiện báo cáo ngay về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Các nguyên tắc trong việc xử lý sự cố

a) Phải tuân thủ quy trình xử lý sự cố do cơ quan quản lý về hệ thống thông tin đất đai tại Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc.

b) Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người và thiết bị của hệ thống;

c) CSDL đất đai phải được sao lưu trước khi xử lý sự cố;

d) Ghi nhật ký sự cố kỹ thuật phát sinh tại chỗ theo quy định;

đ) Thông báo cho các bên liên quan về thời gian khắc phục xong sự cố;

e) Lập báo cáo sự cố gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với các sự cố nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện sự cố.

3. Xử lý nhanh sự cố

Trong trường hợp vận hành CSDL đất đai tập trung có xảy ra sự cố, Văn phòng đăng ký đất đai và đơn vị cung cấp phần mềm có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn, xử lý nhanh chóng, kịp thời các lỗi, sự cố liên quan đến công tác cập nhật, chỉnh lý biến động, quản lý, vận hành và khai thác CSDL đất đai;
- b) Ngừng vận hành hoặc khai thác, sử dụng một phần hoặc toàn bộ CSDL đất đai;
- c) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngăn ngừa các sự cố có thể tiếp tục xảy ra và đảm bảo an toàn cho người và CSDL đất đai;
- d) Phối hợp với các phòng, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngăn ngừa các sự cố có thể tiếp tục xảy ra và đảm bảo an toàn cho người và CSDL đất đai;
- đ) Tùy theo mức độ của sự cố, nhân viên vận hành báo cáo kịp thời đến lãnh đạo đơn vị để có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời;
- e) Lập báo cáo nhanh sự cố;
- f) Bảo vệ hiện trường, trừ trường hợp phải giải quyết khẩn cấp để hạn chế thiệt hại.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRONG QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quy chế này.
2. Kiểm tra, giám sát thường xuyên, theo kế hoạch định kỳ hoặc theo chuyên đề đối với công tác cập nhật CSDL đất đai, bản đồ địa chính dùng chung, dữ liệu không gian đất đai...
3. Chịu trách nhiệm tổ chức, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc tích hợp các thành phần của CSDL đất đai vào CSDL theo đúng quy định.
4. Dự trù kinh phí thường xuyên để đảm bảo duy trì hoạt động, bảo trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phần mềm của Hệ thống thông tin đất đai, cập nhật CSDL đất đai trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để đảm bảo cho các hoạt động xây dựng, quản lý, bảo trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phần mềm của Hệ thống thông tin đất đai, cập nhật CSDL đất đai theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống thông tin đất đai; Thực hiện việc giám sát an toàn hệ thống thông tin đất đai theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc quản lý, vận hành Hệ thống thông tin đất đai của tỉnh; hướng dẫn về đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Điều 17. Trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai

1. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quản lý, vận hành, cập nhật chính lý, chia sẻ và khai thác sử dụng CSDL đất đai theo quy định.

2. Chịu trách nhiệm chỉ đạo Chi nhánh thực hiện cập nhật, chỉnh lý biến động CSDL đất đai và thực hiện cập nhật, chỉnh lý biến động CSDL đất đai theo thẩm quyền phân cấp giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về độ chính xác của nội dung dữ liệu chỉnh lý biến động được cập nhật.

3. Quản lý hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Văn phòng đăng ký đất đai; quản trị CSDL đất đai, đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động ổn định, thông suốt.

4. Nhận bàn giao các sản phẩm từ các công trình, dự án liên quan đến CSDL đất đai và tổ chức quản lý, lưu trữ và khai thác thông tin theo quy định.

5. Phối hợp với các đơn vị có liên quan đảm bảo an toàn thông tin cho toàn hệ thống.

6. Tham mưu, tổng hợp nhu cầu, kinh phí để duy trì hoạt động, bảo trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phần mềm của Hệ thống thông tin đất đai, cập nhật CSDL đất đai hằng năm của đơn vị thực hiện.

7. Thường xuyên nhắc nhở và phê bình viên chức, người lao động thực hiện quản lý, cập nhật, chỉnh lý biến động CSDL đất đai chậm trễ, không đúng quy định, để sai sót hoặc mất CSDL đất đai. Đồng thời, đề xuất khen thưởng các cá nhân thực hiện quản lý, cập nhật, chỉnh lý biến động CSDL đất đai đúng thời gian, đảm bảo CSDL đất đai đầy đủ, chính xác.

8. Trách nhiệm của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các khu vực.

a) Thực hiện cập nhật, chỉnh lý CSDL đất đai trên địa bàn xã được giao phụ trách đối với các thửa đất theo thẩm quyền được phân cấp. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác của nội dung dữ liệu chỉnh lý biến động được cập nhật; Thực hiện cung cấp thông tin theo quy định.

b) Thường xuyên kiểm tra, đảm bảo 100% máy tính người dùng khi kết nối vào hệ thống bản đồ dùng chung phải được cài đặt phần mềm diệt mã độc có bản quyền.

c) Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng viên chức để có cơ sở phân quyền tài khoản tương ứng với nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm quản lý hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại Chi nhánh, đồng thời chịu trách nhiệm phê duyệt việc xóa dữ liệu hoặc phục hồi dữ liệu theo thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính được phân cấp.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên một cách hiệu quả; thực hiện các tác nghiệp trên hệ thống một cách kịp thời và chính xác; sử dụng phần mềm cho tất cả các nghiệp vụ đăng ký đất đai.

2. Cập nhật CSDL đất đai gắn với việc giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cấp xã theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động xuất phát từ tài khoản cán bộ, công chức do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

4. Tuân thủ các quy định về an toàn bảo mật thông tin, quản lý vận hành và khai thác sử dụng hệ thống.

5. Không được tự ý cài đặt các phần mềm có chức năng tương tự vào máy tính của đơn vị; không tự ý thiết lập, cấu hình lại phần mềm.

6. Kịp thời gửi Văn bản đề nghị khóa tài khoản khi cán bộ thực hiện luân chuyển công tác, nghỉ việc.

Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị thi công thực hiện dự án xây dựng, cập nhật, hoàn thiện dữ liệu số đất đai và các đơn vị liên quan

1. Cập nhật dữ liệu đất đai theo phân công của Sở Nông nghiệp và Môi trường dựa trên các dự án, thiết kế kỹ thuật, kế hoạch đã được phê duyệt. Việc cập nhật và khai thác dữ liệu không được trái với các quy định của pháp luật, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các quy định do Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

2. Chịu trách nhiệm về nội dung dữ liệu đất đai trong thời gian thi công công trình, dự án.

3. Giao nộp dữ liệu hoàn thiện sau khi được kiểm tra nghiệm thu cho Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo các quy định hiện hành.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện Quy chế này, kịp thời báo cáo và đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

Phụ lục
MẪU VĂN BẢN
(Kèm theo Quyết định số: 51/2026/QĐ-UBND)

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị cung cấp, thu hồi, xóa tài khoản đăng nhập phần mềm Hệ thống thông tin đất đai.
Mẫu số 02	Phiếu đề nghị xóa, phục hồi dữ liệu.

Mẫu số 01: Văn bản đề nghị cấp, khóa tài khoản đăng nhập phần mềm Hệ thống thông tin đất đai

TÊN CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ

Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*V/v đề nghị cấp/khóa tài khoản đăng
nhập phần mềm Hệ thống thông tin
đất đai*

....., ngày tháng ... năm 20...

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên
- Văn phòng đăng ký đất đai

Thực hiện Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp/khóa tài khoản đăng nhập phần mềm Hệ thống thông tin đất đai, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên người	Đơn vị	Số điện thoại	Địa chỉ Email	Phân công công việc (Lãnh đạo, cán bộ tiếp nhận hoặc xử lý hồ sơ.....)	Ghi chú (lý do khóa tài khoản)

Tôi cam kết nội dung trên là đúng sự thật, đề nghị Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KTNV;
- Lưu: VT,

Đơn vị đề nghị

Mẫu số 02: Phiếu đề nghị xóa, phục hồi dữ liệu

TÊN CƠ QUAN ĐỀ NGHỊCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng ... năm 20...

PHIẾU ĐỀ NGHỊ XÓA, PHỤC HỒI DỮ LIỆU

Kính gửi: Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai/Chi nhánh

Thực hiện Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên.

STT	Họ và tên người phát hiện	Đơn vị	Mô tả sự cố	Cách xử lý		Ghi chú
				Xóa	Phục hồi	

Tôi cam kết nội dung trên là đúng sự thật, đề nghị Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KTNV;
- Lưu: VT,

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

LÃNH ĐẠO PHÒNG/ĐƠN VỊ